

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 03			Trụ Ngày 22			Trụ Giờ 23:01		
Sát CANH	THÂN	Thai L.Quan	Tài KỶ	MÃO	Bệnh Bệnh	Thân GIÁP	Thương NGỌ	Đ.Vượng Tử	Tỷ GIÁP	TÝ	Đ.Vượng M.Dục
Canh	Mậu	Nhâm	Át	Ất		Đinh	Kỷ		Quý	Án	
Sát	T.Tài	Kiêu	Kiếp	Kiếp		Thương	Tài				
Thai	M.Dục	Tử	L.Quan	L.Quan		Bệnh	Bệnh				
Tuyệt			Đế Vượng			Tử			Mộc Dục		
Thiên Đức QN			Tiền Thần			Kinh Dương			Nguyệt Đức QN		
Dịch Mã			Đào Hoa			Đại Hao			Tai Sát		
Hồng Diễm			Giáp Lộc			Dương Nhận			Tướng Tinh		
									Tiền Thần		
									Hồng Diễm		
									Đức Quý Nhân		
									Phúc Tinh		
<b>Đại Vận 0</b> (0 - 3 tuổi)			<b>Đại Vận 1</b> (4 - 13 tuổi)			<b>Đại Vận 2</b> (14 - 23 tuổi)			<b>Đại Vận 3</b> (24 - 33 tuổi)		
Tài KỶ	MÃO	Bệnh	Sát CANH	THÌN	Dưỡng	Quan TÂN	TỴ	Tử	Kiêu NHÂM	NGỌ	Thai
Át	Át		Mậu	Ất	Quý	Bính	Mậu	Canh	Đinh	Kỷ	
Kiếp	T.Tài		T.Tài	Kiếp	Ấn	Thực	T.Tài	Sát	Thương	Tài	
L.Quan	Q.Đói		Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh	L.Quan	L.Quan	
<b>Đại Vận 4</b> (34 - 43 tuổi)			<b>Đại Vận 5</b> (44 - 53 tuổi)			<b>Đại Vận 6</b> (54 - 63 tuổi)			<b>Đại Vận 7</b> (64 - 73 tuổi)		
Án QUÝ	MÙI	Mộ	Tỷ GIÁP	THÂN	Tuyệt	⚡ Kiếp ÁT	DÂU	Tuyệt	Thực BÍNH	TUẤT	Mộ
Kỷ	Át	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm	Tân	Tân		Mậu	Đinh	Tân
Tài	Kiếp	Thương	Sát	T.Tài	Kiêu	Quan	Quan		T.Tài	Thương	Quan
Q.Đói	Dưỡng	Q.Đói	L.Quan	Bệnh	T.Sinh	L.Quan	L.Quan		Mộ	Dưỡng	Q.Đói
<b>Đại Vận 8</b> (74 - 83 tuổi)			<b>Đại Vận 9</b> (84 - 93 tuổi)			<b>Đại Vận 10</b> (94 - 103 tuổi)			<b>Đại Vận 11</b> (104 - 113 tuổi)		
Thương ĐINH	HỢI	Thai	T.Tài	MÃU	Thai	Tài KỶ	SỬU	Mộ	Sát CANH	DÀN	Tuyệt
ĐINH	HỢI		Thực	QUÝ		Kỷ	Tân	Quý	Giáp	Bính	Mậu
Giáp	Nhâm		BÍNH	Ấn		Tài	Quan	Án	Tỷ	Thực	T.Tài
Tỷ	Kiêu		DÂN	L.Quan		MỘ	Dưỡng	Đói	L.Quan	T.Sinh	T.Sinh
T.Sinh	L.Quan										
Sát CANH	1980	1 tuổi	Quan TÂN	1981	2 tuổi	Kiêu NHÂM	1982	3 tuổi	Án QUÝ	1983	4 tuổi
	THÂN	L.Quan	DÂU		L.Quan	TUẤT	1982	Q.Đói	HỢI	1983	Đ.Vượng
Kiếp ÁT	1985	6 tuổi	⚡ Thực BÍNH	1986	7 tuổi	Thương ĐINH	1987	8 tuổi	T.Tài MÃU	1988	9 tuổi
	SƯU	Suy	DÂN		T.Sinh	MÃO		Bệnh	THÌN	KỶ	TY
⚡ Sát CANH	1990	11 tuổi	Quan TÂN	1991	12 tuổi	Kiêu NHÂM	1992	13 tuổi	Án QUÝ	1993	14 tuổi
	MÙI		MÙI		Suy	THÂN		DẬU	DÂU	GIÁP	TUẤT
Kiếp ÁT	1995	16 tuổi	Thực BÍNH	1996	17 tuổi	Thương ĐINH	1997	18 tuổi	T.Tài MÃU	1998	19 tuổi
	HỢI	Tử	TÝ		Thai	SỬU		MỆ	DÀN	KỶ	MÃO
Sát CANH	2000	21 tuổi	Quan TÂN	2001	22 tuổi	Kiêu NHÂM	2002	23 tuổi	Án QUÝ	2003	24 tuổi
	THÌN	Dưỡng	TY		Tử	NGỌ		Đói	MÙI	GIÁP	THÂN
⚡ Kiếp ÁT	2005	26 tuổi	Thực BÍNH	2006	27 tuổi	Thương ĐINH	2007	28 tuổi	T.Tài MÃU	2008	29 tuổi
	DẬU	Tuyệt	TUẤT			HỢI		Thai	TY	KỶ	SƯU
Sát CANH	2010	31 tuổi	Quan TÂN	2011	32 tuổi	Kiêu NHÂM	2012	33 tuổi	Án QUÝ	2013	34 tuổi
	DÀN	Tuyệt	MÃO		Tuyệt	THÌN		MỘ	TY	GIÁP	NGỌ
Kiếp ÁT	2015	36 tuổi	Thực BÍNH	2016	37 tuổi	Thương ĐINH	2017	38 tuổi	T.Tài MÃU	2018	39 tuổi
	MÙI	Dưỡng	THÂN		Bệnh	DẬU		Sát	THÌN	KỶ	HỢI
⚡ Sát CANH	2020	41 tuổi	Quan TÂN	2021	42 tuổi	Kiêu NHÂM	2022	43 tuổi	Án QUÝ	2023	44 tuổi
	TY	Tử	SƯU		Dưỡng	DÀN		Bệnh	MÃO	GIÁP	THÌN
Kiếp	2025	46 tuổi	Thực	2026	47 tuổi	Thương	2027	48 tuổi	T.Tài	2028	49 tuổi
									Thai		

AI	I Y	M.Dục	BINH	NGỌ	Đ.Vượng	ĐINH	MUI	Q.Đới	MÃU	I HAN	Bệnh	KÝ	DÃU	T.Sinh
Sát CANH	2030 <b>TUÁT</b>	51 tuổi Suy	Quan TÂN	2031 <b>HỢI</b>	52 tuổi M.Dục	Kiêu NHÂM	2032 <b>TÝ</b>	53 tuổi Đ.Vượng	Án QUÝ	2033 <b>SỬU</b>	54 tuổi Q.Đới	Tỷ <b>GIÁP</b>	2034 <b>DÀN</b>	55 tuổi L.Quan
Kiếp ẤT	2035 <b>MÃO</b>	56 tuổi L.Quan	Thực BÍNH	2036 <b>THÌN</b>	57 tuổi Q.Đới	Thương ĐINH	2037 <b>TÝ</b>	58 tuổi Đ.Vượng	T.Tài MÃU	2038 <b>NGỌ</b>	59 tuổi Đ.Vượng	Tài KỶ	2039 <b>MÙI</b>	60 tuổi Q.Đới

Kim    Hỏa    Thủy    Thổ    Mộc    ⚡ Thiên khắc địa xung

## Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trù này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trù, bát tự hay tử trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

## Phân Tích Lá Số Tử Trù

### Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù năm Thân Kim không thông, là vô căn.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gấp địa chi trù tháng **Mão Mộc** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhận \*\*.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gặp địa chi trụ ngày **Ngọ Hỏa** được Thông căn Mộ \*.

Nhật nguyên là **Giáp Mộc** gặp địa chi trụ giờ **Tý Thủy** được Thông căn Trường Sinh Lộc Nhập \*\*.

Sự thông căn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Căn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 6.5/10

### Lệnh Tháng với túr trụ

Can Năm Canh sinh tháng **Mão** tọa ở **Thai** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Kỷ** sinh tháng **Mão** tọa ở **Bệnh** nên không được Lệnh tháng.

Can Ngày **Giáp** sinh tháng **Mão** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

Can Giờ **Giáp** sinh tháng **Mão** tọa ở **Đế Vượng** nên được Lệnh tháng.

**Thai nguyên:** Canh **Ngọ** (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

**Thai Tức:** **Kỷ Mùi** (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Ngọ Mùi này thuộc nhóm Hợi Mão Mùi tam hợp Mộc, tốt.

### Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp cung mệnh **Mậu Dần** nạp âm là **Thổ** là bình hòa, theo lý là cuộc đời Quý Anh phúc lộc bình hòa.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ năm Canh Thân nạp âm là **Mộc** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên có biến động nhẹ.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ tháng **Kỷ Mão** nạp âm là **Thổ** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ ngày **Giáp Ngọ** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc âm êm.

Thai nguyên Canh **Ngọ** nạp âm là **Thổ**, gặp trụ giờ **Giáp Tý** nạp âm là Kim là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi già được sung túc âm êm.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù túr trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho túr trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

### Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm Canh Thân là Kim Kim bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Kỷ Mão** là **Mộc** khắc **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Giáp Ngọ** là **Mộc** sinh **Hỏa**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Giáp Tý** là **Thủy** sinh **Mộc**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của túr trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

### Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Giáp Ngọ và Canh Thân này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Giáp Ngọ và Kỷ Mão này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Giáp Ngọ và Giáp Tý này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

### Thân Vượng: **Mộc** 35/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong túr trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân

**Mộc** Vượng, với số điểm phân tích của chúng tôi là **35/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **18/36** điểm cũng là thân Vượng do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Vượng Mộc**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Vượng **Mộc** thì dụng thần nên là **Kim** để khắc bớt **Mộc**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

## Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý Hỏa đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là Hỏa và Thổ, vì Hỏa sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, Thổ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

**Dụng Thần: Kim Hỏa** (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

### Dụng Thần là Kim (dụng thần 1)

Hành Kim đại diện cho màu trắng, bạc, màu ánh kim, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Tây, hướng Tây Bắc. Kim đại diện cho các sự vật như kim cương, vàng bạc, trang sức, tài chính, kinh tế, ngân hàng, quỹ tín dụng, cơ khí kim loại, máy móc, xe cộ, công cụ kim loại, đồ gia dụng bằng thép, nhôm, đồ dùng nhà bếp bằng thép, sắt, đồng hồ, gương soi. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành Kim đều tốt cho Quý Anh vì Kim là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành Kim.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

### Dụng Thần là Hỏa (dụng thần 2)

Hành Hỏa đại diện cho màu tím, đỏ, cam, màu của lửa, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Nam. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến các phương diện như: Chiếu sáng, phát sáng, quang học, nhiệt độ lớn, dễ cháy, các loại dầu, các loại cồn, thực phẩm nóng, thực phẩm, cắt tóc, mỹ phẩm hóa trang, trang sức trên người, văn nghệ, văn học, dụng cụ văn phòng phẩm, học sinh văn hóa, văn nhân, tác giả, tác phẩm, biên tập, nhà giáo, hiệu trưởng, thư ký, xuất bản, công vụ, giới chính trị... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Hỏa** đều tốt cho Quý Anh vì **Hỏa** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bắn tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **HỎA**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

## Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sẽ tốt

cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

### Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Canh Thân bị Bính Dần thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Bính Dần**.

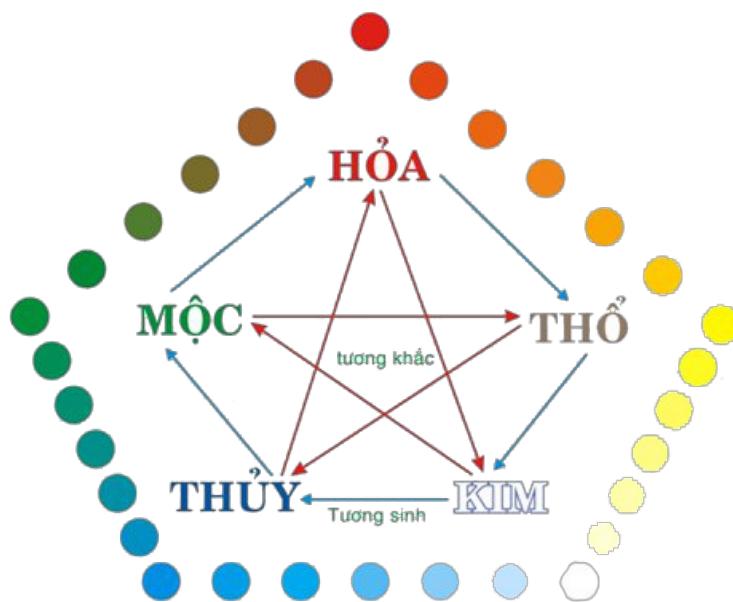
Trụ Tháng Kỷ Mão bị Ất Dậu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Dậu**.

Trụ Ngày Giáp Ngọ bị Canh Tý thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Tý**.

Trụ Giờ Giáp Tý bị Canh Ngọ thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Canh Ngọ**.

Theo chúng tôi nhận xét (hành can trụ ngày) sơ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



**Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:**

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong ngày	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm
Giai đoạn	Sinh Dương	Hoàn chỉnh Dương	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực

Ngũ hành	CÚC MỘC	CÚC HÓA	TỔ	Kim	Thủy
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (ấm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhọn	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đởm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hé, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

## Bình Giải Chung

### Tổng Quan Người Thuộc Mộc

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Mộc có nước da hơi xanh, hai bàn tay dài, ngón tay ngón chân dài, mũi dài, thân mình cao vừa phải và hơi gầy; chân mày thưa, râu cũng thưa; cầm vuông, miệng vuông; môi hơi dày, răng bằng và hai răng cửa hơi lớn; đi đứng nhanh nhẹn, cử chỉ lanh lẹ, tiếng nói đều đều nhưng âm lượng hơi cao. Nhìn chung, người thuộc Mộc ít gặp những bất trắc lớn trong cuộc đời, dấu sống trong cảnh nghèo đói vẫn được yên ổn.

Người mà Mộc khí tử tuyệt thì lông mày không ngay ngắn, cổ dài, yết hầu lộ, da thịt kém tươi, tính cách biền lận, hay lừa dối.

Nhìn chung, người thuộc Mộc hợp với phuơng Đông, làm về các nghề mộc, giấy, trồng hoa, cây giống, hương liệu, đồ tế lễ hoặc kinh doanh về các nghề trên thì thường dễ dàng, may mắn.

### Quý Anh Người Thuộc Mộc Vượng

Người Mộc vượng thường có tầm vóc cao, tay chân dài, khoé miệng tươi, sắc mặt sáng, da trắng đẹp. Là người thanh cao, khảng khái, có lòng bác ái. Tuy nhiên, nếu Mộc quá vượng thường hay mắc bệnh về gan, mật, thần kinh hoặc xương khớp.

## Cung Mệnh ở Dân có sao Thiên quyền

Quý Anh thông minh sắc sảo, trung niên có quyền bính.

## Trụ năm của Quý Anh có Thiên Quan

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

## Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Tài

Trụ tháng có chính tài là cần cù lao động hoặc được ân đức của bố mẹ. Trường hợp tọa kiến lộc hoặc cát thần quý nhân thì song thân có phúc được thừa kế di sản. Trường hợp tọa mộ: Kiệt sỉ như thần giữ cửa, tọa tuyệt không được vợ trợ giúp. Trường hợp tháng chính tài có giờ kiếp tài thì bố tốt phát đạt nhưng con thì xấu.

## Trụ ngày của Quý Anh có Thương Quan

Trụ ngày có thương quan (thương) thì bạn đời tướng mạo đẹp đẽ nhưng hay nói dối. Riêng phái nữ nếu có dương nhẫn thì tái hôn hoặc sinh ly tử biệt. Nếu ngày có thương quan và giờ có sao tài thì trung niên phát đạt. Nếu ngày chủ suy thì hình vận thương quan thì tai nạn bất trắc, thân thể tổn thương.

## Trụ giờ của Quý Anh có Tỷ Kiên

Trụ giờ có tỷ kiên (tỉ) thì con cái cương trực, thẳng thắn, hào hoa nghĩa khí. Có con cái nối dõi. Nếu tọa dương nhẫn thì khắc bố. Còn bản thân là người thừa kế, hoặc là con nuôi, hoặc con thừa kế.

## Chi ngày xung chi giờ

Ngày chi xung giờ chi: Khắc vợ tổn con.

## Trong trú của Quý Anh có Tiển Thần Quύ

Tiển thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiến hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiến thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

## Trong tú trú Quý Anh có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Anh hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

## Tú Trụ của Quý Anh có Phúc tinh quý nhân

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

## Tú Trụ của Quý Anh có Thiên đức quý nhân

Thiên đức quý nhân: Tính nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

## Tú Trụ của Quý Anh có Nguyệt đức quý nhân

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

## Tú Trụ của Quý Anh có Thiên ất quý nhân

Thiên ất quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

## Trụ tháng có Chính tài Dương nhẫn cùng trú

Chính tài Dương nhẫn cùng trú: có triệu chứng phá tài.

## Tú trú có Dương Nhận

Dương nhẫn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhẫn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhẫn. Ngày chủ xung thích Dương nhẫn hộ vệ bảo vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhẫn không hiển lộ. Dương nhẫn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhẫn, thiên quan càng vượng lại có chính án tiếp trợ gọi là "Sát án tương sinh" Dương nhẫn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhẫn: cung vợ có tổn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhẫn: lảng lơ hoang dâm.

- e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhẫn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao án không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.
- f: Trong mệnh sao sát, Dương nhẫn đều có: hành vận Dương nhẫn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh.
- g: Dương nhẫn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo.
- h: Dương nhẫn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sê đến.
- j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhẫn can là sao tài gọi là nhẫn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhẫn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

### Trụ tháng có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

### Trụ tháng có Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ

Chính ấn và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

### Trụ tháng có Dương nhẫn

Tháng có Dương nhẫn: tính thích khoa trương hoặc cha mẹ anh em không có tài.

### Tú Trụ của Quý Anh có Dịch Mã

Dịch mã / Trạch mã sao chủ về di chuyển điều động. Gặp xung: như ngựa hoang chạy nhảy. gặp hợp như ngựa đã buộc dây đeo yên khó lòng bay nhảy. Năm vận gặp dịch mã thì di cư thay đổi nghề nghiệp hoặc ra nước ngoài.

### Trụ năm Dịch mã gặp Tử Tuyệt

Dịch mã đóng ở đất tử tuyệt, lại gặp không vong hình xung phá hoại thì gia đình bất an, phiêu bạt túx thường gặp vất vả.

### Trụ năm có Dịch mã và Ngày chủ mạnh

Ngày chủ mạnh: Tú trụ gặp dịch mã làm về nghành giao thông.

### Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

### Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tú trụ của Trần Viên trang 230)

Trạch mã là hổ, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận đồ.ng. Mã là kị, nhiều nhất là bôn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuấn mã được thúc thêm; mã bị hợp hoặc bị hóa thì như mã bị trói. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hổ, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động di xa, ra nước ngoài, v.v..

### Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gặp hung hóa cát, sao giải tai hoạ. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

### Tai sát / Bạch Hổ (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Tai sát còn có tên Bạch Hổ, tính dũng mạnh, thường ở trước kiếp sát, xung phá tướng tinh nên gọi là tai sát. Tai sát sợ khắc, nếu gặp sinh lại tốt. Trong tú trụ nếu gặp tai sát thì phúc ít họa nhiều. Sát chủ về máu me, chết chóc. Sát đi với thuỷ, hỏa phải đề phòng bỗng, cháy; đi với kim, mộc đề phòng bị đánh; đi với thổ phải đề phòng đỗ sập, ôn dịch. Sát khắc thân là rất xấu, nếu có thần phúc cứu trợ, phần nhiều có quyền lực, cũng như kiếp sát, gặp quan tinh ấn thụ là tốt.

### Đại hao / Nguyên thần (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 156)

Nguyên thần còn có tên là Đại hao, là không hợp. Dương sau âm trước là có gấp khúc, gấp khúc là việc

không suôn sẻ; Âm sau Dương trước là thẳng nhưng không toại nguyện tức là việc có bạo động mà không trị được, nên gọi là nguyên thàn.

Nguyên thàn là thàn hại trong mệnh. Người trong tú trù đã có Thất Sát làm hại, còn gấp phải nguyên thàn thì hại càng nặng hơn, không có nguyên thàn thì nhẹ.

Nguyên thàn tuy xấu, lưu niên đại vận gấp là không tốt, nhưng biết được điều xấu, tránh xa phuơng của nguyên thàn thì có thể vô hại.

### Kinh dương / Dương nhẫn (trích sách Nhập Môn Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Trần Viên trang 232)

Mệnh gấp phải Kinh dương là hung nhiều cát ít. Lộc quá mức thì sinh kinh dương tức là thành công đến cực đỉnh mà vẫn chưa rút lui thì sẽ vượt quá giới hạn cho nên sẽ bị tổn thương vây. Nếu là người có quý mệnh để áp chế sát thì kinh dương kết hợp tướng tinh sẽ tạo thành uy phong không ngăn cản nổi. Thân nhược gặp kinh dương thì nó có thể giúp trợ thân, nhưng mệnh có kinh dương thì nguy hiểm như làm bạn với hổ. Nếu kinh dương bị hợp xung, bị hình hoặc lâm tuế vận thì dễ bị tai nạn nghiêm trọng.

### Hàm trì / Đào hoa

Người mà tú trù gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

### Tướng tinh (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 136)

Người có tướng tinh giống như đại tướng giữ kiếm trong quân, nên lấy ngôi tam hợp làm tướng tinh.

Tướng tinh mừng có cát thần phù trợ là tốt, nếu gặp vong thần thì chỉ là quan rường cột của quốc gia.

Cho nên nói có cát tinh trợ giúp là sang, có thêm mộ kho, thuần tuý không tạp là cách xuất tướng nhập tướng.

Lời cỗ nói: "Tướng tinh văn võ đều thích hợp, đều là lộc trọng quyền cao".

Mệnh có tướng tinh, nếu không bị phá hại thì chỉ về đường quan lộ hiển đạt; tú trù phối hợp được tốt thì là người nắm quyền bính.

Tướng tinh đóng ở chính quan là tốt, nếu đóng ở thất sát, sống dê thì chủ về quyền sinh sát; nếu đóng ở chính tài thì chủ về nắm quyền tài chính.

Nếu làm những nghề khác thì nói chung đều thành công.

Tướng tinh là ngôi sao quyền lực, có tài tổ chức lãnh đạo, chỉ huy, có uy trong quần chúng.

Nhưng nếu bị tử tuyệt xung phá thì bất lợi, nếu hợp với hung tinh thì tăng thêm khí thế cho hung tinh.

Nếu mệnh kị kiếp tài gặp phải tướng tinh thì điều hại càng tăng gấp bội.

## Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

Can năm Quý Anh là dụng thần thì cha mẹ song toàn

Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã

Trụ năm Quý Anh gặp sao trạch mã

Trụ năm Quý Anh gặp sao trạch mã là ông cha hoặc cha mẹ đi buôn bán ở bên ngoài.

**Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hỉ thần, hoặc dụng thần là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.**

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tứ trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tứ trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bô mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tứ trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

**Ngày giáp ất gặp vận dàn mão.**

Ngày giáp ất gặp đại vận lưu niên có dàn mão là chủ về kiếp tài, phá tài, khắc cha mẹ và gặp những việc phải tranh giành nhau.

**Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.**

**Ngang vai(Tỷ), kiếp tài có thì cha mẹ không thọ.**

Thiên tài là cha, quý như châu báu, ngang vai, kiếp tài là anh chị em nhiều. Người nhiều, châu báu ít, anh giànhtôi đoạt không ai nhường ai, cuối cùng vật quý nát vỡ. Đó gọi là giành giật nhau châu báu hỏng, nên gọi là tǐ kiếp khắc cha.

**Trụ năm Quý Anh là dụng thần nếu gặp đại vận lưu niên bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.**

Đến năm tuế vận có can chi mà bị thiên khắc địa xung là có tang cha mẹ.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tứ trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tứ trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

**Trụ năm làm dụng thần thì được hưởng tài sản tổ nghiệp để lại.**

**Can năm làm dụng thần là tốt, tức là được âm đức của cha ông để lại.**

**Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.**

**Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.**

**Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài**

Bị kinh dương, thất sát cướp đoạt tài hoá quỷ (xấu) là nhà cửa sa sút, xa rời quê hương.

**Ấn tinh bị thương thì làm hỏng tổ nghiệp, lìa bỏ quê hương.**

**Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thu**

Năm, tháng, ngày hợp với quý nhân hoặc trạch mã, hoặc ấn thu và không bị khắc hại, hìn, xung thì tổ nghiệp phú quý vinh hoa.

**Tài tinh bị phá cũng là rời bỏ quê hương.**

**Trụ năm là thất sát, tǐ kiếp, thương quan là ông cha đói rách.**

**Sát nhiều là tuy đang yên nhưng phải phòng xa sự nguy hại.**

Trụ năm gấp trạch mã là ông cha đi buôn bán ở bên ngoài.

Tài tinh bị phá là lúc hết ruộng vườn, đi khỏi quê hương.

Trụ năm có thất sát, tì kiếp là ông cha không có một tấc đất, xa rời quê hương.

## Anh Em Huynh Dệ

Tỉ kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gấp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Quý Anh Thân vượng tài yếu là anh chị em nhiều.

Lệnh tháng Quý Anh gấp xung là anh em mỗi người một phương.

Tài nhược, tỉ kiếp vượng lại còn gấp ấn là anh em bất hòa.

Trong Tứ trụ Quý Anh có tỉ kiếp, kình dương là anh em bất hòa, thường hay cãi nhau.

Tỉ kiếp Quý Anh bị xung khắc là anh em bất hòa hoặc nhiều bệnh tật.

## Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Canh Thân** hợp với Nữ tuổi **Tân Tuất - Ất Sửu - Mậu Thìn** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phòi hôn nam nữ là chọn những năm sinh phòi hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phòi hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phòi hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày Giáp Ngọ là Mộc sinh Hỏa.

Quý Anh có Thiên đức, nguyệt đức không bị những cái khắc làm nhiễu loạn thì người đó áo gấm mũ vàng.

Trụ ngày Quý Anh bị thương quan là vợ chồng không hòa thuận nhau, mình hay bị đối phương chửi.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Nam gặp tì kiếp tất sẽ tranh vợ, nữ gặp tì kiếp sẽ tranh chồng.

Quý Anh gặp kình dương thì vợ chồng bất hòa và không lợi cho con.

Nam gặp kình dương là lấy vợ hai lần, nữ gặp kình dương tất sẽ tái giá.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quân bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Quý Anh tháng sinh gặp hàn trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phòi hôn.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là tí ngọ mão dậu thì vợ đẹp

Mệnh nam Quý Anh lấy vượng làm phúc.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Trong chi tàng phúc tài là thiên vị vợ lẽ.

Trong Tứ trụ tài làm dụng thần thì vợ hiền đẹp, nội trợ giỏi.

Trong Tứ trụ Quý Anh có kinh dương gặp tuế vận là cửa cải hoa tán, khắc vợ, hại con.

Trong cục có tài nhiều thì khắc vợ nặng, không có tài thì khắc nhẹ hơn. Khi mà can chi của đại vận gặp can chi lưu niên (tức trong 60 ô nhỏ theo từng năm trên lá số) thì gọi là tuế vận.

Thân vượng nhưng không có chỗ dựa là tổn thương vợ.

Quý Anh có Sao thê mất lệnh là ly hôn giữa chừng.

Quý Anh có Ngang vai hợp với chính tài là vợ đoan trang nghiêm túc.

Quý Anh có Tài tinh gặp tì kiếp lại không được cứu trợ thì đề phòng vợ gặp tai ương mà chết.

## Công Danh Sự Nghiệp

### Tài vận với tứ trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng đẻ của mỗi người. Do đó bắt kể là đơn vị quốc doanh hay cá nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tổn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nên nỗi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ cửa lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế, đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Tứ trụ Quý Anh có tài thì cái ăn, cái mặc không thiếu.

Quý Anh có Tài lộ rõ là người hào phóng khảng khái.

Quý Anh có Tài, Tài là thiên tinh, có tài thì có vợ, ngược lại thì khó khăn.

Quý Anh có Tài, Tài là nguyên thần của quan tinh, không có cửa thì khó mà quyền quý.

Quý Anh Thân vượng, tài nhiều là tiền của vừa ý.

Quý Anh có tài nhiều lại dựa vào ân thụ để hộ thân là người có vợ hiền, con đẹp, cuối đời hạnh phúc.

Quý Anh Có tài gặp sát, người tuổi dần, ngọ, tuất gặp tân sủu, người tị, dậu, sủu gặp át mùi, người thân, tý, thìn gặp bính tuất ; người hợi, mão, mùi gặp mậu thìn, như thế gọi là thiên tài tụ hội. Người gặp như thế sẽ giàu, nhưng phải đề phòng vợ làm hại.

Quý Anh có Thương quan gặp kiếp thì sẽ gặp cửa.

Tài tinh Quý Anh chỉ có một ngôi mà được thời là nhà phú quý, nhưng người tính nóng

Quý Anh Thân vượng có thể thành gia lập nghiệp

Quý Anh có Tài nhiều gặp tì kiếp trợ giúp là nhà giàu thịnh vượng.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chau báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Tài của địa chi phục ám sinh thì nhờ đó dần dần giàu có.

Trong trụ Quý Anh vốn có tài tinh thì nên hành đến quan vận, hành quan vận sẽ phát tài.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Quan sẽ phát tài.

Quý Anh có Tài mùng gặp sát, mười người có đến chín người phú quý.

Trụ ngày Quý Anh là giáp ất, đến vận mà gặp dần mao thì kiếp tài phá tài.

Tài nên tàng ẩn, không nên để lộ, lộ thì dễ bị tranh giành.

Quý Anh có 1 Tài lộ 1 Tài ẩn

Thương quan Quý Anh có Tài đến những năm đại vận và lưu niên gặp Quan, Sát, và kế bên có chữ Suy, Tuyệt thì sẽ mất tài, mất lộc.

Quý Anh Thân vượng đến đại vận lưu niên nếu gặp tỷ kiếp thì năm đó phá tài bại nghiệp.

Ví dụ đến đại vận(10 năm) và lưu niên(1 năm) có cả tỷ và kiếp.

Tài tinh gặp kình dương thì mất cửa, mất người.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

## Quan Vận

---

Quý Anh có Sát Nhẫn rõ mà mạnh bằng nhau, chức tước tới Vương hầu (Thân phải vượng).

Quý Anh Thương Quan có Nhẫn, có tài làm tướng.

Quý Anh có Tài sinh Thất Sát, quyền uy trên cả vạn người, có thêm Ân tương phù, làm quan cao cực phẩm.

Quý Anh có Tài trước, sau là Ân, mỗi năm thăng quan một lần ( Trụ năm Tài trụ tháng Ân hoặc tháng Tài giờ Ân).

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh có Thương Quan gặp Tài, quan cao mà tiền tài cũng khá.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, nhậm chức chinh đốn kỷ cương trong triều.

Tài tinh Quý Anh yếu, làm quan không lâu.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Ân Quý Anh bị phá Tài bị thương, dừng ham tìm kiếm công danh.

Quý Anh có Thương Quan đới Ân, có đam mê thao lược, thành công vượt quá sức tưởng tượng của mọi người.

Quý Anh Tàng Ân lộ Tài tự thân vượng, công danh hiển vinh.

## Nghề Nghiệp

---

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp theo nghề quân sự hoặc bác sĩ ngoại khoa, hoặc nhân viên cao cấp của xí nghiệp.

Quý Anh có Sát Ân tương sinh, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Nhật chủ quá yếu, hợp mày nghề kỹ xảo, nhất nghệ tinh nhất thân vinh.

Quý Anh có Tài chế Thiên Ân, sẽ thành công trong ngành nghề thực nghiệp (sản xuất).

Quý Anh Thân vượng, Tỷ Kiên mạnh, tránh kinh doanh hoặc đầu cơ mạo hiểm, tốt nhất làm công chức hoặc

làm ăn ổn định.

Nhật chi tọa Thương Quan hoặc thiên can thấu Thiên Quan, hợp nghề kỹ thuật, sản xuất, học giả.

Quý Anh Có Tài tinh và Dịch Mã, hợp giao thông vận tải, buôn bán, thông tin, truyền thông...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Kim, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới kim, như kinh doanh dụng cụ kim loại, máy móc của nhà máy, xe hơi, giao thông, tiền tệ, electronics, công trình, khai khoáng. Sự nghiệp phát triển lợi hướng Trung Tây, không lợi Đông Nam.

**Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Hỏa**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Hỏa**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới hỏa, như nhà máy, lò gạch, phát sáng, dầu, xi măng, ăn uống nóng, thực phẩm, quân giới, bách hóa, phát điện, diễn thuyết, chính trị, tôn giáo. Lợi Đông Nam, không lợi Tây Bắc.

## Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thắt sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lầy ất mộc làm vợ, ất mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tỵ là đất hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Thương quan gấp tài, thắt sát bị kiềm chế là nhiều con.

Trụ nhật Quý Anh làm dụng thần là con nhà hiền mà tháo vát.

Quý Anh có Thương quan đến vận gấp tài là có con.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh, hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Can Quý Anh giờ vượng là sinh con trai.

Phàm trẻ em sinh vào ngày, giờ giáp ất, thì mặt có ấn đường rộng, mắt có thần, nhân trung dài, lông mày đẹp.

Cha có thắt sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thắt sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con trai. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày, can giờ là ngang vai nên lần sinh đầu là con gái.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh Tuy thân mạnh nhưng bị sát xì hơi là con cái ít và không phát đạt.

Thương quan Quý Anh vượng quá thì nuôi con của chị em ruột.

Thương quan Quý Anh bị chế ngự là cháu họ thừa tự.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Quý Anh Trong trụ có mộc là sớm biết nói.

Trụ tháng Quý Anh có tài thì tuy đứa con giàu có nhưng là con nuôi.

Quý Anh có Thương quan vượng quá là nuôi con chị em gái.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Trụ năm Quý Anh làm thương tổn can ngày là cha và con không thân nhau.

Về dự đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

## Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Anh có Thương quan bị chế phục thái quá, đề phòng mắt đau, chân đau.

Mộc hỏa tương sinh mà lại quá vượng, thường cảm thấy tỳ vị căng đầy, sức ăn vẫn bình thường nhưng hễ ăn vô liền thấy no hoặc bị đè ép, ợ hơi, buồn nôn.

Thủy mộc tương sinh mà quá vượng, nên chú ý tỳ vị hư, buồn nôn, hôi miệng, ợ hơi, kém ăn, thân thể suy nhược, mạch trầm yếu, phần bụng mềm yếu vô lực, mặt thiếu huyết sắc.

Thổ hư mộc vượng, nhất định tỳ vị bị tổn thương.

Mộc bị kim khắc, đau gân cốt, đau sườn, đau lưng.

## Hướng Dẫn Xem

### Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh.., chi là túi sủu dần mão...) hay sau Thập Thần thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thần như; Tài, Quan, Ân, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tức có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

### Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thần

Thập thần còn được gọi là 10 thần, 10 thần này gồm có: Thương (Thương Quan), Thực (Thực Thần), Tài (Chánh Tài), T.Tài (Phiến Tài, Thiên Tài), Quan (Chánh Quan), Sát (Thất Sát), Ân (Chánh Ân), Kiêu (Phiến Ân, Thiên Ân), Kiếp (Kiếp Tài), Tỷ (kiên).

10 thần này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè, vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trường sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trường sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trường sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của tứ trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô

chữ nhật dài thứ hai là can chi của tùng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng tròn sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của tùng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bố cục các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lô phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17			
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	T.Tài		
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	Mậu	Át	Quý	Q.Đói	QUÝ	DẬU	Bệnh
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Kiếp	Sát	T.Tài	Dưỡng	Thân	Đinh	
Thương	Kiếp	Tài	Đói	Đói	Suy	Q.Đói	Át	Sát	Q.Đói	Kiêng	Kiêng	
Dưỡng	Mô	Mô								Tân	Thực	

### Ý Nghĩa của tùng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiếu niên của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái cái và tuổi già của Quý Anh

### Ý Nghĩa của 10 thần:

**1. Quan** (Chính quan) là cái khắc tật, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế tỷ và kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

**2. Sát** (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tật, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình “thất sát hóa thành quyền bính”). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghề tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, trụ lạc...

**3. Ẩn** (Chánh ẩn) là cái sinh ra tật, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính ẩn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ẩn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ẩn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

**4. Kiêng** (Thiên ẩn) là cái sinh phù tật, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm

của dì ghẻ.

Công năng của thiên án sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên án có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên án quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà tú trù có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên án lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí ) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên án được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên án, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cõi độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

**5. Tỷ** (Kiên, Ngang vai) là ngang tői (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,.... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất cửa. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, khắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cõi độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn côi. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

**6. Kiếp tài** cũng là ngang tői (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bắt khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí man động, liều lĩnh....

**7. Thực** (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên án đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì điểm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yếu (?).

**8. Thương** (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm thương tổn quan. Số nhất là "thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến". Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài quý tự nhiên đến.

**9. Tài** (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiền thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tué vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

**10 T.Tài** (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhòe cha hoặc nhòe vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự如意.

Trân Trọng.

XemTuong.net